

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HS-ST
Ngày: 18- 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha

Ông Đào Xuân Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Đồng Xoài

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quang Trung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 và thông báo về thời gian xét xử số 29/TB-TA ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phan Thị D (Tên gọi khác: Bé Đ), sinh năm: 1992 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn N, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964; Có chồng là Phạm Bá T, sinh năm 1988, bị can có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 02 năm 2020 được tại ngoại.

2. Chu Lê Diễm H, sinh năm: 1991 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Trung T, sinh năm: 1958 và bà Lê Thị M, sinh năm 1960; có 02 con sinh năm 2009 và 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị

tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 02 năm 2020 được tại ngoại.

3. Lư Thị Ngọc L, sinh năm: 1984 tại Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lư N, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; Có chồng Nguyễn Văn N, sinh năm: 1984, bị can có 3 con sinh năm 2009, 2017 và 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm được tại ngoại.

4. Lê Thị Diễm H, sinh năm: 1989 tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Diên T, sinh năm: 1955 và bà Phùng Thị D, sinh năm 1956; Có chồng là Phạm Ngọc Q (đã ly hôn), sinh năm: 1986, bị can có 2 con sinh năm 2006 và 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 02 năm 2020 được tại ngoại.

5. Trần Thị Thu D, sinh năm: 1994 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Phiên dịch viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1965; Có chồng là Phạm Hồng V, sinh năm: 1983 (đã ly hôn), bị can có 1 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 01 năm 2020 đến ngày 05 tháng 02 năm 2020 được tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn L, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “có đơn vắng mặt”
2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; Ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có đơn vắng mặt”
3. Anh Lục Quốc D, sinh năm 1970; Trú tại: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “vắng mặt”
4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 5, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “vắng mặt”
5. Chị Tô Thị H, sinh năm 1990; Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “ có đơn vắng mặt”

6. Chị Hồ Thị Tuyết T, sinh năm 1973; Tổ 2, khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “vắng mặt”

7. Anh Trần Văn T, sinh năm 1968 “vắng mặt”

8. Chị Chu Lê Ngọc D, sinh năm 1987 “vắng mặt”

Cùng trú tại: Tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/01/2020, Phan Thị D đang bán nước tại quán cà phê không tên thuộc tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Đ thì có 2 người thanh niên lạ mặt đến hỏi mượn địa điểm tại quán nước của D để tổ chức đánh bài và hứa cho D từ 50.000 – 100.000 đồng thì D đồng ý và lấy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 chiếc chiếu, 01 đĩa đưa cho 2 thanh niên trên dùng để đánh bạc tại đây. Lúc này do 2 thanh niên làm cái và đánh bạc dưới hình thức chơi bài xì dách ăn tiền với một số người đang uống nước tại quán của D. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì 2 người này nghỉ và trả cho D 50.000 đồng, những người còn lại tiếp tục chơi đánh bạc ăn tiền và xoay vòng làm cái. Sau đó Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H, Trần Thị Thu D đến và một số người chưa rõ nhân thân lai lịch cùng tham gia chơi đánh bạc ăn tiền tại đây. H làm cái, các nhà còn lại đặt cược mỗi ván từ 100.000 – 500.000 đồng.

Quá trình đánh bạc tại đây, khi nhà cái thắng được nhiều thì sẽ cho Phan Thị D từ 50.000 – 100.000 đồng là tiền công mà D cho mượn địa điểm đánh bạc và cung cấp bài, nước cho những người chơi đánh bạc tại đây.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thành phố Đ kết hợp với Công an phường T tiến hành kiểm tra phát hiện và bắt quả tang Phan Thị D, Chu Lê Diễm H, Lê Thị Diễm H, Trần Thị Thu D và Lư Thị Ngọc L về hành vi Gá bạc và Đánh bạc, một số người tham gia đánh bạc chạy thoát. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 51.800.000 đồng, 01 chiếc chiếu, 01 đĩa sứ, 04 bộ bài tây, 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã cũ, bị bể màn hình.

Quá trình cho các bị can mượn địa điểm đánh bạc, D đã thu lợi số tiền 1.400.000 đồng.

Quy ước chơi bài xì dách như sau:

Với 1 bộ bài tây 52 lá, nhà cái sẽ chia lần lượt cho mình và cho các nhà con, mỗi người 02 lá. Các lá bài còn lại thì úp xuống không được xem.

Sau khi chia và xem bài, tùy vào điểm số mà người chơi bốc thêm bài hoặc không.

Cách tính điểm như sau: Các lá bài 2, 3, 4... 10 thì có điểm số tương ứng. Các lá bài J, Q, K thì mỗi lá được tính là 10 điểm. Lá bài A có thể được tính là 1 điểm, 10 điểm hoặc 11 điểm, bài có từ 2 lá A trở lên thì tính là 1 điểm. Điểm tổng là điểm của tất cả các con bài trên tay cộng lại.

Các trường hợp đặc biệt: Xì bàn có nghĩa là trường hợp nhà nào với 2 lá bài đầu tiên có 2 con A.

Xì dách: có nghĩa là trường hợp nhà nào với 2 lá bài đầu tiên có 1 con A và 01 trong các lá bài 10, hoặc J, Q, K.

Ngũ linh: Có nghĩa là người chơi bốc thêm bài và với 5 lá bài trên tay có tổng số điểm bằng hoặc nhỏ hơn 21.

Đền bài: Nếu nhà con có tổng số điểm bằng hoặc quá 28 thì bị xử thua và phải chung tiền cho tất cả các nhà khác.

Cách tính thắng thua:

Nếu nhà cái có xì bàn hoặc xì dách thì sẽ thắng hết các nhà con, ngược lại nhà con nào có xì bàn hoặc xì dách thì nhà cái sẽ thua và chung bằng tiền mà nhà con đã đặt cược.

Trường hợp nhà cái không có xì bàn hoặc xì dách thì nhà cái và các nhà con phải so điểm, điểm số nhà nào cao hơn thì thắng nhưng nhà cái và các nhà con phải có điểm số tương ứng từ 15 đến 21 (đối với nhà cái) và từ 16 đến 21 điểm (đối với nhà con). Nhà cái hoặc nhà con có số điểm vượt quá 21 và thấp hơn 28 thì gọi là quắc và bị thua nhà có số điểm từ 15 đến 21 (đối với nhà cái) và từ 16 đến 21 điểm (đối với nhà con).

Số tiền các bị can dùng vào việc đánh bạc:

Bị can Chu Lê Diễm H sử dụng số tiền 8.000.000 đồng chơi đánh bạc với vai trò là người làm cái.

Bị can Lư Thị Ngọc L sử dụng số tiền 1.200.000 đồng chơi đánh bạc với vai trò là nhà con.

Bị can Lê Thị Diễm H sử dụng số tiền 1.000.000 đồng chơi đánh bạc với vai trò là nhà con.

Bị can Trần Thị Thu D sử dụng số tiền 1.000.000 đồng chơi đánh bạc với vai trò là nhà con.

Bị can Phan Thị D có hành vi cho các bị can mượn địa điểm, cung cấp bài, chiếu, đĩa để các bị can đánh bạc thu lợi số tiền 1.400.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật: Ngoài số tang vật trên chiếu bạc, lực lượng chức năng còn thu giữ tài sản:

- Thu giữ của Trần Thị Thu D: 02 điện thoại di động Iphone XSmax màu hồng đã qua sử dụng, xe mô tô Vision màu đen biển số 93P1 – 402.68;

- Thu giữ của Lư Thị Ngọc L số tiền 101.360.000 đồng;

- Thu giữ của Phan Thị D số tiền 5.652.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen đã cũ;

- Thu giữ của Nguyễn Văn K: Số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu đỏ đã qua sử dụng;

- Thu giữ tại quán cà phê:

- + 01 xe mô tô hiệu Shi 150 biển số 93P2 – 529.66;

- + 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen biển số 93P1 - 238.84;

- + 01 xe mô tô hiệu Future màu đỏ biển số 59P1 – 790.32;

- + 01 xe mô tô Cub màu đỏ biển số 93A – 013.94;

+ 01 xe mô tô hiệu Sirius màu vàng - đen biển số 59P1 – 743.88 (bút lục 11).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 điện thoại di động Iphone XSmax màu hồng đã qua sử dụng, xe mô tô Vision màu đen biển số 93P1 – 402.68; số tiền 101.360.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen đã cũ; số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu đỏ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Shi 150 biển số 93P2 – 529.66; 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen biển số 93P1 - 238.84; 01 xe mô tô hiệu Future màu đỏ biển số 59P1 – 790.32; 01 xe mô tô hiệu Sirius màu vàng - đen biển số 59P1 – 743.88 cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe Cub biển số 93A – 013.94, hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS-ĐX ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố bị cáo Phan Thị Diễm về tội “Gá bạc” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử;

- Áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị D mức án từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Trần Thị Thu D mức án từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

- Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm H mức án từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu giữ tại chiếc bạc được các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 51.800.000đ (*Năm mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng gồm 04 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu, 01 cái đĩa.

Buộc bị cáo Phan Thị D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.400.000đ (*Một triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bị cáo Phan Thị D số tiền 5.652.000đ (*Năm triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*) do không chứng minh được bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Đối với chiếc xe Cub biển số 93A – 013.94, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đang tiếp tục xác minh chủ sở hữu để có căn cứ xử lý sau nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo Phan Thị D, Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H, Trần Thị Thu D tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ; Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 82/CT-VKS-ĐX ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng việc cho các bị cáo khác mượn địa điểm để đánh bạc, ngày 27 tháng 01 năm 2020, Phan Thị D cho mượn địa điểm tại quán nước không tên do D quản lý thuộc tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và cung cấp 01 đĩa sứ, 01 chiếc chiếu và 04 bộ bài tây thu lợi bất chính số tiền 1.400.000 đồng để các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D sử dụng số tiền 51.800.000đ đồng đánh bạc dưới hình thức chơi bài xì dách thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Căn cứ vào hành vi bị cáo Phan Thị D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gà bạc” theo Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Do tổng số tiền các Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D sử dụng vào việc đánh bạc là 51.800.000đ đồng nên Viện kiểm sát nhân

dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Phan Thị D, bị cáo cho mượn địa điểm là quán nước sử để các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D sử dụng số tiền 51.800.000 đồng đánh bạc và bị cáo D đã thu lợi bất chính số tiền 1.400.000đ nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi sử dụng địa điểm và đánh bạc trái phép thắng thua được bằng tiền các bị cáo hoàn toàn nhận thức được đó là hành vi phạm tội và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của khu dân cư. Hành vi đó còn là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm chiếm đoạt tài sản để có tiền đánh bạc nên cần xử các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Do đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Phan Thị D: Bị cáo đã đồng ý cho mượn địa điểm để các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D sử dụng số tiền 51.800.000 đồng đánh bạc và bị cáo D đã thu lợi bất chính số tiền 1.400.000đ . Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Chu Lê Diễm H: Khi tham gia đánh bạc bị cáo sử dụng số tiền 8.000.000 đồng, đây là số tiền tương đối lớn so với các bị cáo còn lại do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Lư Thị Ngọc L: Khi tham gia đánh bạc bị cáo sử dụng số tiền 1.200.000 đồng nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng đối tính chất mức độ hành vi phạm tội với các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Thị Diễm H, Trần Thị Thu D: Khi tham gia đánh bạc các bị cáo sử dụng số tiền 1.000.000 đồng nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng đối tính chất mức độ hành vi phạm tội với các bị cáo.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, do vậy các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Ngoài ra các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Trần Thị Thu D đang phải nuôi con nhỏ do vậy các bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét, các bị cáo Phan Thị D, Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội cũng đã bị tạm giữ tạm giam một thời gian, đủ để các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội, mặt khác các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Trần Thị Thu D đang phải nuôi con nhỏ, do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng gồm 04 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu, 01 cái đĩa đã cũ.

Cần trả lại cho bị cáo Phan Thị D số tiền 5.652.000đ (*Năm triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*) do không chứng minh được các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Đối với số tiền 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) bị cáo Phan Thị D thu lợi bất chính cần buộc bị cáo giao lại để sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe Cub biển số 93A – 013.94, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đang tiếp tục xác minh chủ sở hữu để có căn cứ xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phan Thị D phạm tội “*gá bạc*”; Các bị cáo Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D phạm tội “*đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị D 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Lê Diễm H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lư Thị Ngọc L 30 (Ba

mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm H 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thu D 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo Phan Thị D, Lư Thị Ngọc L, Trần Thị Thu D cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tuyên giao bị cáo Chu Lê Diễm H cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thiện, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tuyên giao bị cáo Lê Thị Diễm H cho Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 51.800.000 đồng (*Năm mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng*)

Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tây, 01 chiếc chiếu, 01 cái đĩa đã cũ.

Trả lại cho bị cáo Phan Thị D số tiền 5.652.000đ (*Năm triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001821, quyển số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Buộc bị cáo Phan Thị D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) để Sung công quỹ nhà nước.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Phan Thị D, Chu Lê Diễm H, Lư Thị Ngọc L, Lê Thị Diễm H và Trần Thị Thu D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Hoàng Hữu Bình